

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN LÃNG  
TRƯỜNG TIỂU HỌC TIÊN MINH

**BÁO CÁO**  
**TỰ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SỐ**  
**NĂM HỌC 2024-2025**

**HẢI PHÒNG – 2025**

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**

| <b>TT</b> | <b>Họ và tên</b>    | <b>Chức danh, chức vụ</b> | <b>Nhiệm vụ</b>   | <b>Ghi chú</b> |
|-----------|---------------------|---------------------------|-------------------|----------------|
| 1         | Phạm Văn Bảy        | Hiệu trưởng               | Chủ tịch hội đồng |                |
| 2         | Ngô Văn Hưng        | Phó Hiệu trưởng           | Phó CT hội đồng   |                |
| 3         | Phan Thị Thương     | Văn thư                   | Thư ký            |                |
| 4         | Lưu Thị Huế         | Tổ trưởng tổ 3,<br>TBTND  | Thành viên        |                |
| 5         | Vũ Thị Hồng Dịu     | Kế toán                   | Thành viên        |                |
| 6         | Bùi Đăng Khoa       | Giáo viên – TPT           | Thành viên        |                |
| 7         | Nguyễn Thị Minh Tâm | Tổ trưởng Tổ 2            | Thành viên        |                |
| 8         | Vũ Thị Hoạt         | Tổ trưởng tổ 1            | Thành viên        |                |
| 9         | Phạm Văn Tráng      | Tổ trưởng tổ 5            | Thành viên        |                |
| 10        | Phạm Thị Vân        | Tổ trưởng tổ 4,<br>BTCĐ   | Thành viên        |                |
| 11        | Vũ Thị Viện         | Giáo viên Tin học         | Thành viên        |                |

## MỤC LỤC

| <b>NỘI DUNG</b>   | <b>Trang</b> |
|---|--------------|
| Mục lục   | 3            |
| Danh mục các chữ viết tắt                                       | 4            |
| Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá                               | 5            |
| <b>Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU</b>                                    | 6            |
| <b>Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ</b>                                     | 7            |
| <b>A. ĐẶT VẤN ĐỀ</b>  | 7            |
| <b>B. TỰ ĐÁNH GIÁ</b>   | 8            |
| <b>I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ</b>                                  | 8            |
| <b>1. Chuyển đổi số trong dạy, học</b>                          | 8            |
| Mở đầu  |              |
| Tiêu chí 1.1.   | 9            |
| Tiêu chí 1.2.   | 9            |
| Tiêu chí 1.3.   | 9            |
| Tiêu chí 1.4.   | 10           |
| Tiêu chí 1.5.   | 10,11        |
| Tiêu chí 1.6.   | 11           |
| Tiêu chí 1.7.   | 12           |
| <i>Kết luận về: Chuyển đổi số trong dạy, học</i>                | 13           |
| <b>2. Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục</b>           |              |
| Mở đầu  |              |
| Tiêu chí 2.1.   | 13           |
| Tiêu chí 2.2.   | 14           |
| Tiêu chí 2.3.   | 14           |
| Tiêu chí 2.4.   | 15           |
| <i>Kết luận về: Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục</i> | 16           |

## DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

| STT | Từ viết tắt | Từ đầy đủ                       |
|-----|-------------|---------------------------------|
| 1   | CTGDPT      | Chương trình giáo dục phổ thông |
| 2   | GDĐT        | Giáo dục đào tạo                |
| 3   | HT, PHT     | Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng    |
| 4   | CBVCNV      | Cán bộ viên chức nhân viên      |
| 5   | HĐ          | Hợp đồng                        |
| 6   | BC          | Biên chế                        |
| 7   | CNTT        | Công nghệ thông tin             |
| 8   | CTGDPT      | Chương trình giáo dục phổ thông |
| 9   | GDĐT        | Giáo dục đào tạo                |
| 10  | BDTX        | Bồi dưỡng thường xuyên          |
| 11  | GV          | Giáo viên                       |
| 12  | GVCN        | Giáo viên chủ nhiệm             |
| 13  | HS          | Học sinh                        |
| 14  | TNLĐ        | Tai nạn lao động                |
| 15  | HSKTHN      | Học sinh khuyết tật hoà nhập    |
| 16  | CBQL        | Cán bộ quản lý                  |
| 17  | KHTN        | Khoa học tự nhiên               |
| 18  | KHXH        | Khoa học xã hội                 |
| 19  | CĐS         | Chuyển đổi số                   |
| 20  | TS          | Tổng số                         |
| 21  | TCVN        | Tiêu chuẩn Việt Nam             |
| 22  | TĐG         | Tự đánh giá                     |
| 23  | TDTT        | Thể dục thể thao                |
| 24  | THCS        | Trung học cơ sở                 |
| 25  | THPT        | Trung học phổ thông             |
| 26  | DHTT        | Dạy học trực tuyến              |
| 27  | NV          | Nhân viên                       |
| 28  | CSDL        | Cơ sở dữ liệu                   |
| 29  | TTCM        | Tổ trưởng chuyên môn            |

|    |      |                  |
|----|------|------------------|
| 30 | UBND | Ủy ban nhân dân  |
| 31 | TBDH | Thiết bị dạy học |

## TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

### 1. Kết quả đánh giá

#### 1.1. Đánh giá tiêu chí

| Tiêu chí               | Kết quả đạt |          |          |
|------------------------|-------------|----------|----------|
|                        | Mức độ 1    | Mức độ 2 | Mức độ 3 |
| <b>Nhóm tiêu chí 1</b> |             |          |          |
| Tiêu chí 1.1.          |             |          | Có       |
| Tiêu chí 1.2.          |             |          | Có       |
| Tiêu chí 1.3.          |             | X        |          |
| Tiêu chí 1.4.          |             |          | X        |
| Tiêu chí 1.5.          |             |          | X        |
| Tiêu chí 1.6.          |             |          | X        |
| Tiêu chí 1.7.          |             |          | X        |
| <b>Nhóm tiêu chí 2</b> |             |          |          |
| Tiêu chí 2.1.          |             |          | Có       |
| Tiêu chí 2.2.          |             |          | Có       |
| Tiêu chí 2.3.          |             |          | X        |
| Tiêu chí 2.4.          |             |          | X        |

### 2. Kết quả:

Chuyên đổi số trong dạy và học: Mức độ 3

Chuyên đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục : Mức độ 3

## Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương: Hải Phòng

Huyện/quận/ thị xã/ thành phố: Tiên Lãng

Xã/ phường/ thị trấn: Tiên Minh

Điện thoại: 078 8288768

Fax:

Email: [tl-thtienminh@haiphong.edu.vn](mailto:tl-thtienminh@haiphong.edu.vn)

Website: <https://thtienminh.haiphong.edu.vn>

Đạt mức độ chuyển đổi số:

Chuyển đổi số trong dạy học: Mức độ 3;

Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục: Mức độ 3

### 1. Số học sinh, cán bộ, giáo viên, nhân viên

Tổng số: 614 HS. Biên chế các khối lớp như sau:

| Khối   | Khối 1 | Khối 2 | Khối 3 | Khối 4 | Khối 5 | Tổng       |
|--------|--------|--------|--------|--------|--------|------------|
| Số HS  | 112    | 125    | 114    | 140    | 123    | <b>614</b> |
| Số lớp | 4      | 4      | 4      | 5      | 4      | <b>21</b>  |

Số học sinh học 2 buổi/ngày: 614/614 học sinh = 100%;

### II. Cán bộ, giáo viên, nhân viên

| CBGV, CNV | TS | Nữ | ĐV | Trình độ |    |    |    | Biên chế | Hợp đồng huyện | Hợp đồng trường |
|-----------|----|----|----|----------|----|----|----|----------|----------------|-----------------|
|           |    |    |    | ĐH       | CĐ | TC | SC |          |                |                 |
| Tổng số   | 37 | 30 | 22 | 34       | 1  | 2  | 1  | 34       | 2              | <b>0</b>        |

|               |    |    |    |    |   |   |   |    |   |   |
|---------------|----|----|----|----|---|---|---|----|---|---|
| Ban giám hiệu | 2  | 0  | 2  | 2  | 0 | 0 | 0 | 2  | 0 | 0 |
| GV giảng dạy  | 30 | 27 | 19 | 29 | 0 | 1 | 0 | 29 | 0 | 0 |
| Nhân viên     | 4  | 3  | 0  | 1  | 0 | 1 | 1 | 2  | 2 | 0 |
| TPT           | 1  | 0  | 1  | 1  | 0 | 0 | 0 | 1  | 0 | 0 |

- Tỷ lệ GV đạt 1,42 GV/lớp.

## 2. Nhân sự thực hiện chuyển đổi số

Nhà trường có đội ngũ GV,NV tuổi đời còn trẻ, năng động, nhiệt tình, tích cực tự học, ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học và công tác quản lí, văn phòng.

## 3. Cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin

Trường có 01 phòng thực hành Tin học với 29 máy tính đảm bảo 1HS/máy; máy tính phục vụ công tác quản lí và các đoàn thể. Trường có 02 phòng học ngoại ngữ được trang bị màn hình ti vi đảm bảo âm thanh cho học sinh học ngoại ngữ. 21 lớp đều được trang bị tivi màn hình tối thiểu 55 inch phục vụ trực tiếp công tác giảng dạy và học tập. 100% giáo viên có máy tính để thực hiện việc giảng dạy trên lớp. 01 phòng có trang bị thiết bị phục vụ các cuộc họp trực tuyến. Wifi đã phủ sóng toàn trường, mạng dây đã kết nối đến từng lớp học trực tiếp và các phòng bộ môn và các phòng khu hiệu bộ.

## Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ

### A. ĐẶT VẤN ĐỀ

#### 1. Tình hình chung của nhà trường

Trường Tiểu học Tiên Minh thuộc địa bàn xã Tiên Minh, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng được thành lập vào ngày 01/9/1988 theo Quyết định số 845/QĐ-UB ngày 01 tháng 9 năm 1988 của Ủy ban nhân dân huyện Tiên Lãng.

Trải qua gần 40 năm xây dựng và phát triển, nhà trường đã không ngừng vươn lên và phát triển ổn định, có những bước tiến vững chắc. Cơ sở vật chất trong 5 năm gần đây được đầu tư xây dựng theo hướng kiên cố, hiện đại. Trang thiết bị máy móc đáp ứng tốt việc chuyển đổi số trong quản lí và dạy học. Đội ngũ CBGV,NV trẻ, nhiệt tình, năng động, chuyên môn vững vàng, 97% CB,GV,NV có trình độ đào tạo đạt chuẩn.

#### 2. Mục đích tự đánh giá

Tự đánh giá công tác chuyển đổi số trong nhà trường theo bộ tiêu chí ban hành kèm theo Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên nhằm đánh giá đúng thực trạng công tác chuyển đổi số của

đơn vị. Nhà trường hướng tới mục tiêu của chuyển đổi số trong giáo dục là nâng cao chất lượng giáo dục, tạo ra một môi trường học tập hiện đại, linh hoạt và công bằng, nhằm phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất của người học, đáp ứng yêu cầu của kỷ nguyên số và hội nhập quốc tế.

### **3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động TĐG**

Căn cứ vào nhiệm vụ và tình hình thực tế của nhà trường, trường Tiểu học Tiên Minh đã tiến hành công tác tự đánh giá công tác chuyển đổi số của đơn vị để xác định những điểm mạnh, điểm yếu của từng tiêu chí, những tiêu chí đạt yêu cầu để xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng nhằm nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường. Đồng thời cũng là điều kiện, là cơ sở để các cơ quan đánh giá và đánh giá ngoài công nhận mức độ chuyển đổi số trong nhà trường.

Về quy trình đánh giá gồm các bước sau:

- Xây dựng kế hoạch tổ chức đánh giá mức độ chuyển đổi số.
- Phân công và giao trách nhiệm thực hiện cụ thể đối với từng thành viên của hội đồng tự đánh giá.
- Thành viên của hội đồng tự đánh giá thu thập minh chứng và đánh giá theo bộ tiêu chí tại địa chỉ <https://vnmozzovmsgdhaiphong.dti.vnedu.vn/>.
- Hiệu trưởng phê duyệt kết quả tự đánh giá; báo cáo kết quả đánh giá lên cơ quan quản lý giáo dục trực tiếp, cập nhật kết quả tự đánh giá lên hệ thống cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục.

## **B. TỰ ĐÁNH GIÁ**

### **I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ**

#### **1. Nhóm tiêu chí: Chuyển đổi số trong dạy, học**

##### **Mở đầu:**

Nhà trường đã ban hành kế hoạch và quy chế tổ chức dạy học trực tuyến. Toàn thể giáo viên đã khai thác và sử dụng các phần mềm dạy học trực tuyến như zoom, microsoft-teams,.. Giáo viên linh hoạt trong sử dụng phần mềm để giao bài cho học sinh tự học và thường xuyên kiểm tra, giải đáp các thắc mắc của học sinh. Nhà trường có triển khai kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên phòng máy. Nhà trường đã trang bị đầy đủ thiết bị và cơ sở vật chất phục vụ cho công tác chuyển đổi số: 100% số phòng học và phòng chức năng đều được lắp đặt thiết bị trình chiếu và Lắp mạng lan cho tất cả các khu; 100% giáo viên đứng lớp đều có máy tính xách tay phục vụ cho hoạt động dạy học. Phòng tin học đảm bảo 1 HS/1 máy và tất cả các máy tính đều được kết nối mạng lan.

100% giáo viên có tài khoản bồi dưỡng trên Hệ thống bồi dưỡng giáo viên trực tuyến để tự bồi dưỡng qua mạng một cách chủ động, thường xuyên theo nhu cầu. 100% giáo viên của trường có thể khai thác sử dụng được các phần mềm, công cụ

nhằm đổi mới phương pháp dạy học. Số giáo viên xây dựng được học liệu số, bài giảng điện tử phục vụ cho các giờ dạy trên lớp đạt 86%. Các học liệu đều được đăng tải trên website và thư viện số của trường.

**Tiêu chí 1.1:** *Có ban hành kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến (kết hợp với dạy học trực tiếp; ban hành riêng hoặc lồng ghép trong kế hoạch tổ chức dạy học hằng năm)*

Nhà trường đã xây dựng Kế hoạch số 84/KH-THTM ngày 05/11/2024 về việc tổ chức dạy học trực tuyến (Kết hợp với dạy học trực tiếp) phòng khi có sự cố xảy ra mà học sinh không được đến trường để tham gia học tập trực tiếp năm học 2024- 2025. Mục tiêu của kế hoạch nhằm tăng cường khả năng tiếp cận học liệu: Học sinh có thể học ở bất kỳ đâu, vào bất kỳ thời gian nào, với các tài liệu học tập trực tuyến. Kết hợp phương pháp giảng dạy truyền thống và hiện đại: Phát huy tối đa lợi thế của học trực tiếp và học online. Sử dụng các hệ thống quản lý học tập như Google Classroom, Moodle, Microsoft Teams để chia sẻ tài liệu học tập, tổ chức bài kiểm tra, giao bài tập và theo dõi tiến trình học tập của học sinh. Các công cụ giao tiếp trực tuyến: Zoom, Google Meet, Skype cho các buổi học trực tuyến trực tiếp với giáo viên. Các công cụ hỗ trợ: Google Drive, YouTube, các ứng dụng hỗ trợ học tập (Quizlet, Kahoot, ...) giúp học sinh tương tác và học tập dễ dàng hơn.

**Tự đánh giá:** Đạt

**Tiêu chí 1.2:** *Có ban hành quy chế tổ chức dạy học trực tuyến*

Nhà trường đã ban hành quy chế dạy học trực tuyến theo Quyết định số 124/KH-THTM ngày 06/12/2024 từ năm học 2024-2025. Quy chế được xây dựng dựa trên Các quy định tại Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT ngày 30/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến ở cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên.

**Tự đánh giá:** Đạt

**Tiêu chí 1.3:** *Triển khai phần mềm dạy học trực tuyến:*

- *Có triển khai phần mềm dạy học trực tuyến trực tiếp (ghi tên)*
- *Có triển khai hệ thống quản lý học tập trực tuyến (LMS)/hệ thống quản lý nội dung học tập trực tuyến (LCMS) (cung cấp thông tin: Tên giải pháp, tự xây dựng/thuê/mua).*

- *Hệ thống LMS/LCMS có triển khai các chức năng:*

- (1) *Giáo viên giao bài cho học sinh tự học;*
- (2) *Giáo viên trả lời (giải đáp) các câu hỏi của học sinh;*
- (3) *Tổ chức kiểm tra, đánh giá thường xuyên;*
- (4) *Phụ huynh học sinh tham gia vào các hoạt động học tập của học sinh.*

*Giáo viên linh hoạt trong sử dụng các phần mềm để dạy học:*

\*/ Phần mềm dạy học trực tiếp:

+ **BeeClass**: <https://beeClass.net/> (Lớp học hạnh phúc- tạo trò chơi, quản lí lớp...)

+ [tieuhoc.onluyen.vn](http://tieuhoc.onluyen.vn)

+ **Bài giảng điện tử powerpoint theo bài học**. (GAĐT)

+ **Vbee**: [https://studio.vbee.vn/studio/text-to-speech\(AI\)](https://studio.vbee.vn/studio/text-to-speech(AI))

+ **Canva**: <https://www.canva.com/> (GAĐT)

\*/ Phần mềm dạy học trực tuyến:

+ <https://wonderfulword.vn>

+ <https://www.microsoft.com>

+ <https://www.zoom.com.vi>

**Tự đánh giá: 12 điểm, đạt mức độ 2**

**Tiêu chí 1.4:** *Số lượng học liệu được số hóa (đã được tổ chuyên môn thông qua và được người đứng đầu cơ sở giáo dục phê duyệt).*

- Nhà trường đã hợp đồng với VNPT mua phần mềm quản lí hồ sơ điện tử. Số hóa hồ sơ tất cả các kế hoạch, văn bản, hồ sơ sổ sách liên quan đến chuyên môn., 100% giáo viên xây dựng Kế hoạch bài dạy học, Kế hoạch bài dạy gửi trên hệ thống hồ sơ điện tử của trường <https://vnmozzovms.gdhaiphong.vn.edu.vn/v3/>

- Các kế hoạch, văn bản được số hóa theo hồ sơ công việc và gửi trên hệ thống <https://qlvb.hpnet.vn/>

- Bảng theo dõi đánh giá kết quả học tập của học sinh, học bạ điện tử được lưu trữ tại <https://truong.haiphong.edu.vn/Default.aspx>

- Tính đến thời điểm 24/03/2025 có 447 học liệu được tổ chuyên môn thông qua và được người đứng đầu phê duyệt gửi trên trang Web của trường để đồng nghiệp tham khảo (<https://thtienminh.haiphong.edu.vn>).

**Tự đánh giá: 9 điểm, đạt mức độ 3**

**Tiêu chí 1.5:** *Có tổ chức triển khai thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên phòng máy tính; có phần mềm, máy tính kết nối mạng LAN (cung cấp thông tin: tên giải pháp phần mềm)*

*Phần mềm tổ chức thi trên máy tính có kết nối, trao đổi kết quả với hệ thống quản trị nhà trường*

+<https://vio.edu.vn>

+<https://trangnguyen.edu>

- Nhà trường có triển khai thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên phòng máy, các máy đều có kết nối mạng lan và hoạt động của các máy được kiểm soát bởi

máy chủ của GV.

**- Tự đánh giá: 19 điểm, đạt mức độ 3**

**Tiêu chí 1.6:** *Phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số:*

- *Tỉ lệ giáo viên có tài khoản sử dụng trên Hệ thống bồi dưỡng giáo viên trực tuyến để tự bồi dưỡng qua mạng một cách chủ động, thường xuyên theo nhu cầu*
- *Tỉ lệ giáo viên có thể khai thác sử dụng được các phần mềm, công cụ nhằm đổi mới phương pháp dạy học*
- *Tỉ lệ giáo viên có thể xây dựng được học liệu số, bài giảng điện tử*

100% giáo viên có tài khoản bồi dưỡng trên Hệ thống bồi dưỡng giáo viên trực tuyến để tự bồi dưỡng qua mạng một cách chủ động, thường xuyên theo nhu cầu tại địa chỉ: <https://taphuan.cSDL.edu.vn/admin>

100% giáo viên của trường có thể khai thác sử dụng được các phần mềm, công cụ nhằm đổi mới phương pháp dạy học với những phần mềm như sau:

- BeeClass: <https://beeClass.net/workspace/class/my-class>

- Canva: <https://www.canva.com/vivn/thiet>

+ Bài giảng điện tử powerpoint theo bài học.

+ Capcut (AI), Chat GPT, metal AI, Text to speech tạo bài giảng hấp dẫn sinh động

- Số giáo viên xây dựng được học liệu số, bài giảng điện tử phục vụ cho các giờ dạy trên lớp đạt 87%. Tính đến thời điểm 24/03/2025 có 447 học liệu được giáo viên xây dựng.

**Tự đánh giá: 20 điểm, đạt mức độ 3**

**Tiêu chí 1.7:** *Hạ tầng, thiết bị sử dụng chuyển đổi số dạy, học:*

- *Tỉ lệ phòng học có thiết bị trình chiếu, thiết bị phục vụ sử dụng dạy-học và kết nối Internet trên tổng số phòng học*
- *Mức độ đáp ứng yêu cầu dạy môn tin học*
- *Có phòng studio (gồm máy tính, thiết bị phục vụ cho việc xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử).*

Nhà trường đã trang bị đầy đủ thiết bị và cơ sở vật chất phục vụ cho công tác chuyển đổi số: 100% số phòng học (21 phòng học + 4 phòng học Âm nhạc, Tiếng Anh, Phòng Hội trường) đều được lắp đặt thiết bị trình chiếu và Lắp mạng lan cho tất cả các khu; Các phòng chức năng đều được trang bị máy tính kết nối mạng phục vụ cho các hoạt động giáo dục.

- 31/31 GV đứng lớp đều có máy tính xách tay phục vụ cho hoạt động dạy học.

- Nhà trường có 1 phòng tin học với 29 máy, đảm bảo 1 HS/1 máy và 1 máy

chủ, các máy con đều được kết nối đến máy chủ, máy chủ quản lý tất cả hoạt động của máy con.

- Nhà trường chưa có phòng studio (gồm máy tính, thiết bị phục trợ cho việc xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử).

**Tự đánh giá: 17 điểm, đạt mức độ 3**

***Kết luận về Nhóm tiêu chí: Chuyển đổi số trong dạy, học***

Nhà trường chú trọng bồi dưỡng đội ngũ (*cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh*) có kiến thức, kỹ năng đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số. Trước hết là kỹ năng sử dụng CNTT, kỹ năng an toàn thông tin, kỹ năng khai thác, sử dụng hiệu quả các ứng dụng phục vụ công việc dạy - học hàng ngày. Phần lớn giáo viên toàn trường sử dụng thành thạo CNTT; tham gia, đóng góp chia sẻ học liệu vào kho học liệu số của nhà trường và của ngành giáo dục; tham gia làm bài giảng điện tử e-learning có chất lượng, tham gia xây dựng ngân hàng đề, câu hỏi trắc nghiệm,... góp phần xây dựng xã hội học tập và đẩy mạnh việc học tập suốt đời. Cơ sở hạ tầng của nhà trường đáp ứng tốt yêu cầu chuyển đổi số trong dạy học.

**Đánh giá chung: 82 điểm, đạt mức độ 3**

**2. Nhóm tiêu chí: Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục**

**Mở đầu:**

Nhà trường đã triển khai số hóa, xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung từ Sở GD&ĐT, Phòng GD&ĐT đến nhà trường. Hiện nay đã số hóa và định danh dữ liệu của giáo viên và học sinh. Trường có hệ thống quản lý văn bản, quản lý CSDL ngành, quản lý tuyển sinh đầu cấp; quản lý cán bộ, viên chức, quản lý đánh giá GV theo chuẩn nghề nghiệp, quản lý thu không dùng tiền mặt. Nhà trường đã sử dụng phần mềm quản lý trường học, sổ điểm điện tử, học bạ điện tử, hồ sơ sổ sách điện tử và hầu hết cán bộ, giáo viên, nhân viên đều vận dụng hiệu quả, tích cực. 100% cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được cấp tài khoản kí số.

**Tiêu chí 2.1:** *Cơ sở giáo dục thành lập bộ phận chỉ đạo, phụ trách, triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số (thông tin: Họ tên, chức vụ, email, điện thoại)*

Nhà trường đã ban hành quyết định số 104/QĐ-THTM ngày 21/10/2024 về việc phân công, phụ trách, triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số có đầy đủ thông tin (Họ tên, chức vụ, email, điện thoại) và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên.

**Tự đánh giá: Đạt**

**Tiêu chí 2.2:** *Có ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT, chuyển đổi số*

Nhà trường đã ban hành Kế hoạch số 75/QĐ-THTM ngày 26/10/2024 về việc thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số năm học 2024-2025 với các nhiệm vụ trọng tâm: Chuyển đổi số trong dạy, học và kiểm tra đánh giá; Ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong đổi mới phương thức quản trị cơ sở giáo dục và

xây dựng cơ sở dữ liệu về giáo dục; triển khai hiệu quả công tác thống kê giáo dục.

**Tự đánh giá:** Đạt

**Tiêu chí 2.3:** Có triển khai phần mềm quản trị nhà trường (cung cấp thông tin: tên giải pháp, tự xây dựng/mua/thuê):

- Có ban hành quy chế sử dụng hệ thống quản trị nhà trường
- Có triển khai phân hệ quản lý học sinh (quản lý hồ sơ, kết quả học tập)
- Có triển khai sổ điểm điện tử, học bạ điện tử
- Có triển khai phân hệ quản lý đội ngũ CBVCNV
- Có triển khai phân hệ quản lý cơ sở vật chất
- Có triển khai phân hệ quản lý thông tin y tế trường học, quản lý thông tin về sức khỏe học sinh
- Có triển khai phân hệ quản lý kế toán
- Phần mềm kết nối và trao đổi đầy đủ dữ liệu với CSDL ngành (do Bộ quản lý)

Nhà trường có triển khai phần mềm quản trị nhà trường tại địa chỉ <https://truong.haiphong.edu.vn/Login.aspx?returnUrl=~/default.aspx>; Nhà trường Ban hành Quy chế quản lý, sử dụng hệ thống quản trị nhà trường từ năm học 20232024 tại Quyết định số 140/QĐ-THTM ngày 31/12/2024

Phần mềm quản trị nhà trường tại địa chỉ <https://truong.haiphong.edu.vn/Login.aspx?returnUrl=~/default.aspx> có triển khai phân hệ quản lý học sinh: quản lý hồ sơ, kết quả học tập.

Nhà trường triển khai sổ điểm điện tử, học bạ điện tử tại phân hệ “quản lý học bạ số” trong phần mềm cơ sở dữ liệu ngành

<https://truong.haiphong.edu.vn/Login.aspx?returnUrl=~/default.aspx>

Nhà trường Ban hành Kế hoạch số 82/KH-THTM ngày 25/10/2024 về triển khai học bạ số cấp tiểu học tại nhà trường từ năm học 2024-2025.

Có triển khai phân hệ quản lý đội ngũ CBVCNV tại mục “Quản lý giáo dục Tiểu học” phần nhân sự tại địa chỉ

<https://truong.haiphong.edu.vn/Login.aspx?returnUrl=~/default.aspx>.

Nhà trường quản lý đội ngũ CBVCNV thông qua phần mềm do Nội vụ quản lý tại địa chỉ [https://haiphong.qlcb.vn/View/employee/employeeProfileList](https://haiphong qlcb.vn/View/employee/employeeProfileList).

Nhà trường có triển khai phân hệ quản lý cơ sở vật chất tại địa chỉ <https://haiphong.qlts.vn/NewVersionForm.aspx?company=haiphong&budget=>

Phần mềm quản trị nhà trường tại địa chỉ <https://truong.haiphong.edu.vn/Login.aspx?returnUrl=~/default.aspx> có triển khai phân hệ quản lý học sinh: quản lý sức khỏe học sinh.

Nhà trường có triển khai phân hệ quản lý kế toán tại địa chỉ <https://mimosaapp.misa.vn/report>.

**Tự đánh giá: 62 điểm, đạt mức độ 3**

**Tiêu chí 2.4:** *Mức độ triển khai dịch vụ trực tuyến:*

- Có triển khai ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường (thông tin: Qua OTT (Over The Top) hoặc qua ứng dụng web)
- Có triển khai dịch vụ tuyển sinh đầu cấp trực tuyến:
- Triển khai dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt.

Nhà trường đã triển các ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường thông qua các ứng dụng web: Zalo; <https://thtienminh.haiphong.edu.vn/homegd6>;

Nhà trường đã triển dịch vụ tuyển sinh đầu cấp tại địa chỉ: <http://tuyensinhdaucap.haiphong.edu.vn/> và triển khai dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt tại địa chỉ: <https://www.google.com/search?q=qlth.vn&amp;amp;>

**5. Tự đánh giá: 22 điểm, đạt mức độ 3**

**Kết luận về Nhóm tiêu chí: Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục**

Trong quản trị, nhà trường đã triển khai đồng bộ các phần mềm đáp ứng công tác chuyển đổi số trong quản trị đạt hiệu quả cao. Các phần mềm đều được đồng bộ với cơ quan quản lý cấp trên.

**Đánh giá chung: 84 điểm, đạt mức độ 3**

### **Phần III. KẾT LUẬN CHUNG**

*Kết quả Tự đánh giá mức độ chuyển đổi số:*

Số tiêu chí đạt (trong các Tiêu chí ;1.1.;1.2.;2.1.;2.2.): 4 (100%)

Số tiêu chí chưa đạt (trong các Tiêu chí ;1.1.;1.2.;2.1.;2.2.): 0 (0%)

Số tiêu chí Mức độ 1: 0 (0%)

Số tiêu chí Mức độ 2: 1 (14.3%)

Số tiêu chí Mức độ 3: 6 (85.7%)

**Mức đánh giá của cơ sở giáo dục:**

Chuyển đổi số trong dạy học: Mức độ 3;

Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục: Mức độ 3.

**Cơ sở giáo dục đề nghị đạt mức độ chuyển đổi số:**

Chuyển đổi số trong dạy học: Mức độ 3;

Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục: Mức độ 3.

## Phần IV. PHỤ LỤC

| Nhóm tiêu chí  | Tiêu chí      | Tên minh chứng                               | Mã MC    | Mã dẫn   |  |
|--|---------------|--|----------|----------|--|
| <b>Nhóm tiêu chí<br/>Chuyển đổi số<br/>trong dạy, học</b>                    | Tiêu chí 1.1. | kế hoạch tổ chức dạy trực tuyến              | MC 1.1.1 |          |  |
|  | Tiêu chí 1.2. | Quy chế tổ chức dạy học trực tuyến           | MC 1.2.1 |          |  |
|  | Tiêu chí 1.3. | Thư viện số                                  |          | TVS      |  |
|  |               | Phần mềm học trực tuyến                      |          | 1.3      |  |
|  |               | Triển khai phần mềm dạy học trực tuyến       |          | MC 1.3.1 |  |
|  |               | Dạy học trực tuyến                           |          | DHTT     |  |
|  |               | Minh chứng 1.3.2                             |          | MC 1.3.2 |  |
|  | Tiêu chí 1.4. | Công dân số                                  |          | MC 1.4.1 |  |
|  |               | Số lượng học liệu được số hóa                |          | MC 1.4   |  |
|  | Tiêu chí 1.5. | Phần mềm tổ chức thi trên máy tính           |          | MC 1.5.2 |  |
|  | Tiêu chí 1.6. | 1.6.3  |          | 1.6.3    |  |
|  |               | Minh chứng 1.6.2                             |          | MC 1.6.2 |  |
|  |               | Minh chứng 1.6.1                             |          | MC 1.6.1 |  |
|  | Tiêu chí 1.7. | PH1  |          | MC1      |  |
|  |               | CNTT   |          | MC 1.7.2 |  |
| Phòng máy tính   |               |  | MC 1.7.3 |          |  |
| <b>Nhóm tiêu chí<br/>Chuyển đổi số<br/>trong quản trị<br/>cơ sở giáo dục</b> | Tiêu chí 2.1. | QĐ phân công phụ trách CNTT, CDS             | MC 2.1.1 |          |  |
|  | Tiêu chí 2.2. | Kế hoạch ứng dụng CNTT, chuyển đổi số        | MC 2.2.1 |          |  |
|  | Tiêu chí 2.3. | Phần mềm kế toán misa                        |          | MC 2.3.7 |  |
|  |               | Phần mềm CSDL ngành                          |          | 2.4. 8   |  |
|  |               | Phần mềm quản lý CB, GV, NV                  |          | PMQLCB   |  |
|  |               | Phần mềm quản lý cơ sở vật chất              |          | PMTS     |  |
|  |               | Triển khai sổ điểm, học bạ số                |          | MC 2.3.3 |  |
|  |               | Phần mềm CSDL ngành:                         |          | MC 2.3.6 |  |
|  |               | Quy chế sử dụng hệ thống quản trị nhà trường |          | 2.3.1    |  |
|  | Tiêu chí 2.4. | Dịch vụ tuyển sinh đầu cấp                   |          | MC 2.4.2 |  |
|  |               | Dịch vụ thu phí GD không sử dụng tiền mặt    |          | MC 2.4.3 |  |

**Nơi nhận:**

- Phòng GD&ĐT;
- UBND xã;

**HIỆU TRƯỞNG**

- Lưu: VT.

**Phạm Văn Bảy**